

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

| | |
|-------------------------------------|--|
| Ngành đào tạo: | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| Thời gian đào tạo: | 4 năm |
| Văn bằng: | Cử nhân |
| Khóa đào tạo: | Khóa 22 (2026 - 2030) |
| Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá: | 126 |

Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.

| HỌC KỲ 1: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: 01) | | | | | |
|--|-----------------------------|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 15 | | | |
| TA70313 | Tiếng Anh 1 | 3 | 45 | 45 | 0 |
| CB70411 | Bơi lội (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| QT70047 | Nguyên lý quản trị | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70012 | Tổng quan du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH70040 | Văn hóa và ẩm thực Việt Nam | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH70031 | Địa lý tài nguyên du lịch | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70032 | Kỹ năng hoạt náo | 2 | 45 | 15 | 30 |
| HỌC KỲ 2: 18 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 12, tự chọn: 06) | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 12 | | | |
| TA70314 | Tiếng Anh 2 | 3 | 45 | 45 | 0 |
| TH70001 | Tin học 1 (*) | 2 | 45 | 15 | 30 |
| KT70101 | Nguyên lý kế toán | 3 | 45 | 45 | 0 |
| CB70101 | Triết học Mác - Lênin | 3 | 45 | 45 | 0 |
| CB70201 | Toán kinh tế | 3 | 45 | 45 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 4 trong 10 học phần) | | 6 | | | |
| Giáo dục thể chất, Tự chọn: | | 1 | | | |

| | | | | | |
|--|---|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| CB71412 | Bóng đá (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| CB71403 | Bóng chuyền (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| CB71404 | Cầu lông (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| CB71410 | Pickleball (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| Tự chọn: | | 2 | | | |
| CB70306 | Kỹ năng đàm phán thương lượng | 2 | 30 | 30 | 0 |
| CB70305 | Kỹ năng giao tiếp và tạo dựng mối quan hệ | 2 | 30 | 30 | 0 |
| Tự chọn: | | 4 | | | |
| LH71019 | Văn hóa các nước ASEAN | 2 | 30 | 30 | 0 |
| QT71042 | Trách nhiệm xã hội | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH71035 | Khai thác di sản văn hóa trong phát triển du lịch | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH71024 | Lễ tân ngoại giao | 2 | 30 | 30 | 0 |
| HỌC KỲ 3: 19 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 15 | | | |
| TA70315 | Tiếng Anh 3 | 3 | 45 | 45 | 0 |
| TH70002 | Tin học 2 (*) | 2 | 60 | 0 | 60 |
| CB70206 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 | 30 | 30 | 0 |
| CB70102 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70004 | Tâm lý và hành vi khách hàng | 3 | 45 | 45 | 0 |
| CB70106 | Pháp luật đại cương | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70039 | Kinh tế du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 3 học phần) | | 4 | | | |
| CB71104 | Kinh tế xanh và phát triển bền vững | 2 | 30 | 30 | 0 |

| | | | | | |
|--|--|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| CB71101 | Môi trường và phát triển bền vững | 2 | 30 | 30 | 0 |
| CB71102 | Tâm lý học hành vi | 2 | 30 | 30 | 0 |
| HỌC KỲ 4: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 09, tự chọn: | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 9 | | | |
| TA70316 | Tiếng Anh định hướng chứng chỉ quốc tế (*) | 9 | 135 | 135 | 0 |
| CB70103 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70028 | Pháp luật về du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| DD70040 | Thực hành sơ cấp cứu ban đầu | 2 | 60 | 0 | 60 |
| QT70045 | Quản trị chiến lược | 2 | 30 | 30 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 5 trong 11 học phần) | | 11 | | | |
| Tự chọn: | | 2 | | | |
| CB71105 | Văn hóa và Âm nhạc Dân tộc Việt Nam | 2 | 30 | 30 | 0 |
| CB71106 | Lịch sử văn minh thế giới | 2 | 30 | 30 | 0 |
| Giáo dục thể chất, Tự chọn: | | 1 | | | |
| CB71413 | Fitness (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| CB71407 | Bóng rổ (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| CB71414 | Võ thuật (*) | 1 | 30 | 0 | 30 |
| Tự chọn: | | 9 | | | |
| LH71022 | Tuyển điểm du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71023 | Nghiệp vụ hướng dẫn | 3 | 60 | 30 | 30 |
| LH71026 | Các loại hình du lịch hiện đại | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71025 | An toàn hàng không | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71027 | Dịch vụ hành khách tại cảng hàng không | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71029 | Nghiệp vụ tiếp viên hàng không | 3 | 60 | 30 | 30 |

| HỌC KỲ 5: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 15, tự chọn: | | | | | |
|--|---|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 15 | | | |
| CB70104 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | 30 | 30 | 0 |
| QT70011 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH70022 | Tổ chức sự kiện | 3 | 60 | 30 | 30 |
| QT70050 | Quan hệ công chúng và truyền thông | 3 | 45 | 45 | 0 |
| KS70004 | Chuyển đổi số trong du lịch- khách sạn | 2 | 30 | 30 | 0 |
| TC71205 | Thanh toán quốc tế | 2 | 30 | 30 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần) | | 5 | | | |
| LH71030 | Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71031 | Thực tập chuyên ngành lữ hành | 2 | 90 | 0 | 0 |
| LH71033 | Tiếng Anh phục vụ hành khách trên không | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71034 | Thực tập chuyên ngành hàng không | 2 | 90 | 0 | 0 |
| HỌC KỲ 6: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Học phần bắt buộc | | 14 | | | |
| CB70105 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 | 30 | 30 | 0 |
| LH70038 | Quản trị hãng vận chuyển | 3 | 45 | 45 | 0 |
| KS70010 | Quản trị chất lượng dịch vụ | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH70037 | Nghiệp vụ hải quan và xuất nhập cảnh | 3 | 45 | 45 | 0 |

| | | | | | |
|--|---|-------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|
| LH70035 | Tiếp thị sản phẩm du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần) | | 6 | | | |
| LH71020 | Quản trị kinh doanh lễ hành | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71021 | Thiết kế và điều hành tour | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71028 | Quản trị vận hành và kinh doanh dịch vụ mặt đất | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH71032 | Tiếng Anh phục vụ mặt đất tại cảng hàng không | 3 | 45 | 45 | 0 |
| HỌC KỲ 7: 04 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 04, tự chọn: | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt | | 4 | | | |
| LH70025 | Thực tập tốt nghiệp | 4 | 120 | 120 | 0 |
| HỌC KỲ 8: 15 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 14, tự chọn: | | | | | |
| Mã học phần | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Tiết lý thuyết | Tiết thực hành |
| Khóa luận tốt nghiệp | | 6 | | | |
| LH70026 | Khoá luận tốt nghiệp | 6 | 180 | 180 | 0 |
| Học phần thay thế khóa luận tốt | | 6 | | | |
| LH70030 | Chuyên đề tốt nghiệp | 3 | 45 | 45 | 0 |
| Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 2 học phần) | | 3 | | | |
| LH70027 | Quản trị đổi mới trong du lịch | 3 | 45 | 45 | 0 |
| LH70041 | Quản trị thương mại cảng hàng không | 3 | 45 | 45 | 0 |